

## TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011 - 2019

ĐỖ LÝ HOÀI TÂN\*

*Từ dữ liệu của Cục Thống kê TPHCM, bài viết phân tích những đóng góp quan trọng của ngành công nghiệp đến nền kinh tế Thành phố. Bên cạnh đó, số liệu thống kê cũng cho thấy những bất cập trong phát huy nguồn nhân lực nội ngành, năng lực cạnh tranh hạn chế của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, và xu hướng giảm dần trong mức đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu của Thành phố có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của ngành công nghiệp nói riêng và của kinh tế Thành phố nói chung giai đoạn 2011-2019. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp TPHCM trong giai đoạn tiếp theo.*

Từ khóa: phát triển công nghiệp, ngành công nghiệp trọng yếu, nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh, TPHCM

Nhận bài ngày: 5/11/2020; đưa vào biên tập: 8/11/2020; phản biện: 9/11/2020; duyệt đăng: 6/1/2021

### 1. DẪN NHẬP

Với vai trò là đầu tàu kinh tế của vùng Nam Bộ và cả nước, TPHCM đã sớm xác định rõ mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có giá trị cao trong nền kinh tế để làm đòn bẩy cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo Nguyễn Phương Đông,

Phó Giám đốc Sở Công Thương TPHCM, ngành công nghiệp của Thành phố trong thời gian qua đã đạt được những cột mốc tăng trưởng khá, giá trị gia tăng công nghiệp của Thành phố chiếm khoảng 32,3% sản lượng công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đóng góp khoảng 16% quy mô sản xuất công nghiệp toàn quốc. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

trong cơ cấu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cả nước với mức giá trị tăng thêm chiếm 28,62%, số lượng doanh nghiệp 30,11%, lao động 16,76%, vốn 14,93%, doanh thu 14,41% (dẫn theo Kiều Anh, 2019). Ngoài ra, sự chuyển dịch trong nội bộ ngành công nghiệp sang những nhóm ngành công nghệ cao diễn ra ổn định, việc tiếp thu công nghệ, trình độ quản trị từ các doanh nghiệp nước ngoài để hình thành nguồn tri thức riêng cũng có nhiều chuyển biến tích cực.

Mặc dù vậy, chất lượng phát triển công nghiệp của Thành phố vẫn còn nhiều điểm bất cập. Trong đó, một số vấn đề như mức đóng góp giảm dần của các ngành công nghiệp trọng yếu, điểm yếu trong nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn được trình bày trong bài viết là những vấn đề đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của ngành công nghiệp Thành phố trong suốt thời gian qua.

Từ đó tìm hướng giải pháp phù hợp cho những vấn đề này để đảm bảo sự phát triển ngành công nghiệp TPHCM được nhanh và bền vững trong trung hạn và dài hạn là vấn đề được đặt ra.

## 2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011-2019

Thực tiễn cho thấy, trong suốt thập kỷ qua, ngành công nghiệp vẫn luôn có mức tăng trưởng khá ấn tượng.

Xét về mức tăng trưởng (Bảng 1), số liệu thống kê cho thấy giá trị tăng trưởng GRDP của công nghiệp đã tăng nhẹ liên tục trong 3 năm đầu giai đoạn 2011-2019 (từ 7,14% năm 2011 lên 7,90% năm 2013) trước khi giảm xuống mức 5,76% năm 2014 và nhanh chóng phục hồi với mức tăng đều trong các năm tiếp theo, riêng năm 2019 đạt 8,9%. Giai đoạn 2011-2019 đạt mức tăng bình quân là 7,52%. Với mức tăng trưởng này, ngành công nghiệp cũng đã vượt qua

Bảng 1. Tốc độ phát triển GRDP (giá so sánh năm 2010) giai đoạn 2011-2019

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2011	107,21	104,53	107,14	109,91	98,20
2012	106,60	105,93	107,55	109,50	94,10
2013	107,19	105,42	107,90	107,60	104,24
2014	107,49	105,90	105,76	106,90	113,32
2015	107,72	104,59	106,05	107,88	109,95
2016	108,05	105,42	107,80	108,04	108,60
2017	107,90	105,95	108,47	107,74	107,59
2018	107,89	105,94	108,12	108,01	106,96
2019	107,02	102,01	108,90	107,30	106,46

Nguồn: Tổng hợp từ Cục Thống kê TPHCM, 2019.

Bảng 2. Cơ cấu tỷ trọng các khu vực kinh tế (giá so sánh năm 2010) trong GRDP giai đoạn 2011-2019

Đơn vị tính: %

Năm	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2011	18,03	32,54	37,37	12,05
2012	17,63	33,21	37,89	11,27
2013	17,17	33,10	38,35	11,38
2014	16,75	33,24	38,42	11,59
2015	16,08	34,16	38,29	11,46
2016	15,35	34,60	38,57	11,48
2017	14,79	34,98	38,80	11,43
2018	14,33	35,56	38,78	11,32
2019	13,66	36,19	38,88	11,27

Nguồn: Tổng hợp từ Cục Thống kê TPHCM, 2019.

chỉ số của ngành dịch vụ, từ đó trở thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất của TPHCM trong giai đoạn 2011-2019.

Xét về mặt cơ cấu (Bảng 2), có thể thấy cơ cấu kinh tế Thành phố trong giai đoạn 2011-2019 đang chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể, năm 2011 tỷ trọng nông nghiệp chiếm 18,03% tổng GRDP của Thành phố, công nghiệp và dịch vụ lần lượt chiếm 32,54%, 37,88%, đến năm 2019 nông nghiệp giảm xuống còn 13,66%, tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lần lượt là 36,19% và 38,88%. Số liệu tăng tỷ trọng ngành công nghiệp phần nào nhờ vào quy mô sản xuất có sự phát triển, số lượng dự án gia tăng, sự đầu tư của các tập đoàn lớn như Nidec, Samsung, với khoa học kỹ thuật và công nghệ mới; từ đó khẳng định vai trò ngày càng quan trọng hơn của

ngành công nghiệp đến nền kinh tế Thành phố.

### **3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2011-2019**

#### **3.1. Xu hướng giảm dần trong mức đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu TPHCM**

Việc thúc đẩy vai trò của ngành công nghiệp trong thời gian qua vẫn còn nhiều khó khăn phía trước. Điều này được thể hiện rõ nét qua mức đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu là ngành chế biến thực phẩm và đồ uống, ngành hóa dược, ngành sản xuất hàng điện tử và ngành cơ khí có xu hướng giảm dần trong mức đóng góp vào nền kinh tế. Cụ thể, tỷ trọng đóng góp của 4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu nói trên chiếm 10,2% tổng giá trị GRDP và khoảng 51% toàn ngành công nghiệp của Thành phố năm 2011, thì năm 2016 giảm

Bảng 3. Số lượng và chỉ số phát triển lao động trong ngành công nghiệp giai đoạn 2011-2019

Đơn vị tính: nghìn người; %

Năm	Tổng lao động	Chỉ số phát triển	Tỷ trọng lao động trong nền kinh tế
2011	1364,7	106,7	35,1
2012	1331,2	97,6	34,0
2013	1333,6	100,2	33,4
2014	1330,2	99,8	32,8
2015	1369,7	110,5	33,2
2016	1531,2	104,2	36,3
2017	1560,4	101,9	36,3
2018	1588,4	101,8	36,6
2019	1635,6	103,0	37,0

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên *Niên giám thống kê TPHCM năm 2019* (Cục Thống kê TPHCM, 2019).

xuống lần lượt ở mức 9,8% và 50,7% (Tổng cục Thống kê, 2017). Sự tăng trưởng ở nhóm 4 ngành công nghiệp trọng yếu giảm sút: năm 2018 đạt mức 7,24%, năm 2019 chỉ còn 6,3% so với cùng kỳ, thấp hơn 1,3 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp. Trong đó, ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống chỉ tăng 1,4%, ngành hóa dược tăng 1,8% so cùng kỳ.

### 3.2. Bất cập trong nguồn nhân lực hoạt động trong ngành công nghiệp

TPHCM là địa phương thu hút số lượng lớn người lao động đến tìm kiếm cơ hội làm việc. Đây là nguồn nhân lực dồi dào của các khu vực kinh tế, đặc biệt là các nhóm ngành công nghiệp.

Xét về mặt số lượng lao động, Bảng 3 cho thấy sự gia tăng trong số lượng

lao động tham gia vào ngành công nghiệp trong giai đoạn 2011-2019, tăng từ 1,36 triệu người năm 2011 lên 1,64 triệu người năm 2019. Bình quân giai đoạn 2011-2019 tốc độ tăng trưởng lao động trong ngành công nghiệp đạt 2,84%/năm. Bên cạnh đó, tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp trong nền kinh tế cũng tăng dần theo thời gian, từ chiếm 35,1% lên 37% tổng lực lượng lao động trong nền kinh tế.

Năng suất lao động của ngành công nghiệp tại TPHCM là khá cao với tốc độ tăng trưởng khá ổn định (Bảng 4). Năm 2011 năng suất lao động của ngành công nghiệp là 108,1 triệu đồng/người/năm, đến năm 2019 đã tăng để đạt mức 156,6 triệu đồng/người/năm. Tính chung cả giai đoạn 2011-2019 thì tốc độ tăng trưởng của năng suất lao động bình quân đạt 4,04%/năm.

Bảng 4. Năng suất lao động (theo giá so sánh năm 2010) trong ngành công nghiệp giai đoạn 2011-2019

Đơn vị tính: triệu đồng/người/năm; %

Năm	Năng suất lao động	Chỉ số phát triển
2011	108,1	98,01
2012	115,7	107,03
2013	121,6	105,10
2014	129,8	106,74

2015	125,1	96,38
2016	129,8	103,76
2017	138,1	106,39
2018	146,7	106,23
2019	156,6	106,75

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên *Niên giám thống kê TPHCM năm 2019* (Cục Thống kê TPHCM, 2019).

Số liệu Bảng 5 cho thấy năng suất lao động vượt trội của 4 ngành công nghiệp trọng yếu dù chỉ chiếm một phần tỷ trọng khá nhỏ (khoảng 0,25%) trong tổng số lao động toàn ngành. Điều này một mặt phản ánh tính chất và yêu cầu về năng lực sản xuất, mặt khác cũng cho thấy trình độ sản xuất của lực lượng sản xuất trong 4 ngành công nghiệp trọng yếu so với các ngành công nghiệp còn lại. Ngoài ra, sự gia tăng ổn định về số lượng lao động tham gia vào 4 nhóm ngành này cũng cho thấy nhu cầu nhân lực cao của các ngành trong suốt thời gian qua, đồng thời phản ánh chiến lược phát triển của các ngành được xem là có hàm lượng công nghệ cao, giá trị

gia tăng cao nhằm trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển chung của toàn nền kinh tế TPHCM.

Tuy nhiên, tác động của hiệu ứng chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn TPHCM là còn thấp (Cục Thống kê TPHCM, 2020b: 46). Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh và động chỉ chiếm 3,2% các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng năng suất lao động xã hội chung của Thành phố trong giai đoạn 2011-2015. Việc tăng năng suất lao động chủ yếu do cải thiện chất lượng ứng dụng khoa học công nghệ, hiệu quả quản lý, tăng cường vốn đầu tư... trong nội ngành (chiếm đến 96,80%). Đáng chú ý hơn, với giai đoạn 2016-2018, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh còn có giá trị âm. Từ đó cho thấy việc chuyển dịch cơ cấu lao động của Thành phố không thật sự hiệu quả. Trong khi đó, chỉ số dương của hiệu ứng chuyển dịch động chủ yếu là do sự tăng cao của các ngành có năng suất lao động cao trong giai đoạn này. Việc chuyển dịch cơ cấu lao động

Bảng 5. Số lượng và năng suất lao động (theo giá so sánh năm 2010) của 4 ngành công nghiệp trọng yếu của TPHCM

Đơn vị tính: nghìn người; triệu đồng/người/năm

Năm	Công nghiệp điện tử		Hóa chất		Cơ khí		Chế biến lương thực-thực phẩm	
	Số LĐ	NSLĐ	Số LĐ	NSLĐ	Số LĐ	NSLĐ	Số LĐ	NSLĐ
2007	21,94	222,64	62,79	249,26	145,06	186,99	90,73	233,53
2010	23,20	224,92	66,37	277,20	148,93	222,87	93,13	232,91
2013	24,52	294,83	107,80	363,06	152,90	268,79	94,35	435,96
2017	42,10	297,85	113,95	403,76	150,90	324,17	95,59	447,12

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên *Niên giám thống kê TPHCM năm 2019* (Cục Thống kê TPHCM, 2019).

không thật sự hiệu quả một phần là do chất lượng nguồn nhân lực đang hoạt động trong ngành công nghiệp nói riêng và cả nền kinh tế TPHCM nói chung. Bảng 6 cho thấy số lượng lao động đã qua đào tạo của TPHCM còn thấp, chỉ chiếm tỷ trọng 37,30% so với tổng số lao động trên địa bàn năm 2020, bằng 0,46% và 0,42% tỷ lệ lao động theo quy hoạch nhân lực của TPHCM năm 2019 và giai đoạn 2020-2025. Nói cách khác, chất lượng nguồn nhân lực của TPHCM hiện nay chưa tương xứng với yêu cầu phát triển khoa học công nghệ hiện đại của Thành phố.

Bảng 6. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đang hoạt động trong nền kinh tế (thực tế và quy hoạch)

Đơn vị tính: %

Năm	Tỷ lệ lao động (thực tế)	Tỷ lệ lao động (quy hoạch)
2011	28,77	-
2012	28,08	-
2013	31,19	-
2014	32,26	-
2015	33,98	-
2016	34,74	-
2017	36,60	-
2018	36,74	-
2019	37,30	82
2020-2025	-	90

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Thống kê TPHCM (2019) và của Hồ Thiện Thông Minh và cộng sự (2019).

Chất lượng nguồn nhân lực chưa phù hợp phản ánh công tác đào tạo nhân lực còn nhiều bất cập. Trong đó, mục tiêu đào tạo của hệ thống giáo dục

đào tạo nghề chưa thật sự ăn khớp với nhu cầu về lao động của thị trường (Quang Huy, Kim Huyền, 2020). Sự mất cân đối giữa số lượng sinh viên bậc cao đẳng, đại học và số lượng học viên được đào tạo nghề ngày càng lớn dẫn đến sự mất cân đối về trình độ chuyên môn tay nghề trong nguồn nhân lực của vùng hiện nay. Từ đó ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sử dụng và phát huy nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, phương pháp đào tạo ở nhiều cơ sở đào tạo còn chậm đổi mới, nặng về lý thuyết cơ bản, thiếu sự thực hành (Việt Hùng, 2018). Cơ cấu đào tạo nặng về cơ chế hành chính kiểu cũ nên các cơ sở đào tạo thường dựa vào chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo để vận hành mà không xuất phát từ nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế của vùng. Thời gian đào tạo thường ngắn hạn, ngành nghề đào tạo chủ yếu đơn giản, chưa đủ điều kiện đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn tay nghề cao, nên khó đáp ứng kịp yêu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước. Những bất cập của lực lượng lao động dẫn đến tình trạng mất cân đối nguồn lực: thiếu rất nhiều lao động có trình độ chuyên môn cao, thừa nhiều lao động kỹ năng thấp và chưa qua đào tạo.

Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo vẫn chưa được triển khai hiệu quả (Mỹ Dung, 2018).

Có một số doanh nghiệp tham gia đào tạo, song do nhận thức chưa đầy đủ trong chiến lược kinh doanh dài hạn mà chỉ tập trung tìm kiếm nguồn lao động đáp ứng đủ nhu cầu lao động sản xuất giản đơn, nguồn lao động ở doanh nghiệp thường có chất lượng thấp nên hiệu quả chưa cao.

### **3.3. Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động tại TPHCM**

Đến năm 2017, hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài của TPHCM vẫn luôn giữ được vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng 30 năm thu hút FDI của cả nước với 7.494 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư có hiệu lực, tổng vốn đầu tư 44,5 tỷ USD, chiếm khoảng 13,9% tổng vốn FDI của cả nước. Năm 2018, 2019, TPHCM vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu với tổng vốn FDI đạt 7,39 tỷ USD trong năm 2018 (tăng 11,8% so với cùng kỳ) và 8,3 tỷ USD trong năm 2019, tăng 39,45% so với cùng kỳ năm 2018.

Đây là sự đóng góp của những dự án tổ hợp sản xuất quy mô lớn, đã góp phần tạo ra “cú hích” cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu của Thành phố. Ngoài ra, việc tạo ra những “mô hình mẫu” đầu tiên (công viên phần mềm, khu công nghệ cao) trong cả nước cũng là một trong những thế mạnh của TPHCM trong thu hút đầu tư so với những địa phương khác.

*Công viên Phần mềm Quang Trung* - mô hình mẫu trong quản lý một ngành công nghệ cao: bắt đầu đi vào hoạt động vào năm 2001, Công ty đã thu hút được hơn 150 doanh nghiệp hàng

đầu Việt Nam và thế giới (Mỹ, Nhật Bản) trong ngành công nghệ thông tin, và là một trong 4 ngành công nghiệp trọng yếu của Thành phố. Các doanh nghiệp đã xây dựng và cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ và giải pháp ở nhiều ngành khác nhau. Doanh thu của năm 2019 ước đạt 530 triệu USD (Công viên phần mềm Quang Trung, 2020).

*Khu Công nghệ cao TPHCM*: thành lập năm 2002, đã thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài, huy động được nguồn lực khoa học công nghệ cao trong nước. Bên cạnh các tập đoàn công nghệ lớn từ Nhật Bản (Nidec: 296 triệu USD, Nipro: 300 triệu USD), Pháp (Sanofi: 100 triệu USD), Mỹ (Intel: 1,04 tỷ USD)..., cùng với việc tập đoàn Hàn Quốc Samsung đầu tư dự án nhà máy công nghệ với vốn đầu tư ở mức 2 tỷ USD (tính đến năm 2019) được đánh giá đã giúp phát triển mạnh mẽ các ngành công nghệ trong nước (Mạnh Tùng, 2020).

Nhìn chung, sự thành công của các “mô hình mẫu” cho thấy không chỉ thu hút đầu tư của các doanh nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực quản trị tiên tiến mà còn khuyến khích đầu tư phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh tạo động lực trực tiếp cho tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế như công nghệ cao. Tuy nhiên, các nhà máy sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài tại TPHCM hiện nay đóng vai trò rất nhỏ trong chuỗi cung ứng toàn cầu khi chủ yếu tập trung ở công đoạn gia công, lắp ráp

sản phẩm; các doanh nghiệp trong nước ở Thành phố lại hạn chế trong việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, nên mặc dù số lượng nhiều nhưng giá trị xuất khẩu không cao (Bảng 7). Thực tế cho thấy năng lực nội tại của doanh nghiệp trong nước vẫn chưa thật sự đủ mạnh và một số sản phẩm trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về chất lượng, mẫu mã để đủ sức cạnh tranh xuất khẩu với các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài.

Tồn tại trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó do phần lớn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khiến cho việc xây

dựng và phát triển hoàn thiện ngành công nghiệp hỗ trợ để trở thành chất xúc tác quan trọng cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước cho đến nay vẫn chưa thể thực hiện được. Số lượng doanh nghiệp đạt yêu cầu chất lượng còn ít, giá trị sản xuất thấp, năng lực cung ứng với ngành hạ nguồn vẫn còn hạn chế (Nguyễn Ngọc Sơn, 2015). Ngoài ra, Bảng 8 cho thấy mối liên kết giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp sản xuất chính còn rất yếu (Nguyễn Văn Sáng, 2015). Điều này dẫn đến thực trạng các doanh nghiệp trên địa bàn hiện nay vẫn phải nhập khẩu các linh kiện, nguồn nguyên liệu sản phẩm từ

Bảng 7. Số lượng và giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế TP HCM

Đơn vị tính: doanh nghiệp; nghìn đô la Mỹ

Năm	Nhà nước		Ngoài nhà nước		Đầu tư nước ngoài	
	Số lượng	Giá trị xuất khẩu	Số lượng	Giá trị xuất khẩu	Số lượng	Giá trị xuất khẩu
2011	3.281	11.889.530	268.831	8.624.335	7.248	7.667.515
2015	2.835	5.128.762	427.710	9.142.794	11.949	12.900.350
2016	2.662	3.657.520	488.395	10.069.407	14.002	15.833.955
2017	2.486	3.823.327	541.749	10.755.869	16.178	18.206.675
2018	2.260	3.416.381	591.499	10.885.606	16.878	19.519.157
2019	-	2.993.058	-	11.676.567	-	25.044.299

Nguồn: Cục Thống kê TP HCM, 2019.

Bảng 8. Cơ cấu giá trị nhà cung cấp theo thời gian quan hệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp sản xuất chính

Đơn vị tính: phần trăm

Loại doanh nghiệp	Trên 10 năm	Từ 5 đến 10 năm	Từ 3 đến 5 năm	Từ 1 đến 3 năm	Dưới 1 năm
Doanh nghiệp sản xuất chính	22,50	15,89	27,50	23,58	10,53
Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	15,39	15,92	32,11	24,18	12,13

Nguồn: Nguyễn Văn Sáng, 2015.



nước ngoài (chủ yếu là nguồn nguyên vật liệu từ Trung Quốc) để tiếp tục hoạt động sản xuất, từ đó hạn chế sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên địa bàn TPHCM.

#### **4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ GIẢI PHÁP KHUYẾN NGHỊ**

##### **4.1. Thành tựu**

Thứ nhất, giá trị tăng trưởng GRDP của ngành công nghiệp tăng ổn định, qua đó vượt qua các ngành nông nghiệp, dịch vụ để trở thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất của TPHCM giai đoạn 2011-2019.

Thứ hai, tỷ trọng của ngành công nghiệp trong nền kinh tế TPHCM có xu hướng tăng dần, thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của ngành công nghiệp đến nền kinh tế Thành phố.

Thứ ba, số lượng nguồn nhân lực làm việc trong ngành công nghiệp dồi dào và có mức tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2011-2019.

Thứ tư, năng suất lao động của ngành công nghiệp TPHCM khá cao và tăng trưởng khá ổn định, năng suất lao động của 4 ngành công nghiệp trọng yếu vượt trội so với những ngành công nghiệp khác dù chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong tổng số lao động toàn ngành.

Thứ năm, sự thành công của các “mô hình mẫu” trong thu hút đầu tư nước ngoài được thể hiện qua việc nhiều doanh nghiệp nước ngoài tham gia hoạt động ở TPHCM tại các khu công

ngiệp, công nghệ cao góp phần giúp Việt Nam nói chung và TPHCM nói riêng bước đầu tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hiện đại.

##### **4.2. Hạn chế**

*Thứ nhất*, mức đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu có xu hướng giảm dần trong mức đóng góp vào kinh tế Thành phố.

*Thứ hai*, chất lượng nguồn nhân lực của ngành công nghiệp nói riêng và của cả nền kinh tế TPHCM nói chung vẫn còn nhiều bất cập thể hiện qua tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đang hoạt động trong nền kinh tế còn thấp so với thực tế yêu cầu phát triển của Thành phố.

*Thứ ba*, sự tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn thấp, năng lực nội tại của các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế thể hiện qua giá trị xuất khẩu không cao, chưa đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài.

*Thứ tư*, chất lượng các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vẫn còn thấp, mối liên kết giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp sản xuất trong nước còn yếu, từ đó hạn chế sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên địa bàn TPHCM.

##### **4.3. Một số khuyến nghị**

Các phân tích trên cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của ngành công

nghiệp đến sự phát triển của kinh tế TPHCM trong thời gian qua. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập như chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh chưa cao của các doanh nghiệp trong nước tại TPHCM. Để góp phần hạn chế phần nào những bất cập trên, bài viết đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, cần tinh gọn nhóm ngành công nghiệp quan trọng để tập trung hỗ trợ thúc đẩy hoạt động sản xuất. Trong đó, giảm dần vai trò của các nhóm ngành dệt may, gia công hàng hóa và tăng cường hoạt động sản xuất công nghệ điện tử, công nghệ thông tin như sản xuất các linh kiện, thiết bị tin học, viễn thông, sản xuất phần mềm; chú trọng hình thành một số sản phẩm chủ đạo có giá trị tiêu thụ cho thị trường trong nước và có tiềm năng lớn trong việc xuất khẩu sang các nước khác trên thế giới.

*Thứ hai*, phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng hỗ trợ cụ thể. Trong đó, cần chú trọng tăng cường kết nối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang phát triển mạnh với các doanh nghiệp nội địa trong việc sản xuất các sản phẩm hỗ trợ. Xây dựng và hoàn thiện các chợ công nghệ, các kênh kết nối giữa các doanh nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp và các doanh nghiệp trong nước để cùng phát triển và tăng cường năng lực sản xuất.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng lao động hoạt động trong ngành công nghiệp.

Trong đó, khuyến khích áp dụng đào tạo liên kết doanh nghiệp, trung tâm đào tạo/trường học để không chỉ đào tạo nguồn nhân lực tay nghề cao đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, mà còn cập nhật cho người lao động những kỹ thuật mới. Tập trung thu hút nhân tài, đội ngũ kỹ sư, công nhân có tay nghề kỹ thuật cao, nhất là trong các ngành thiết kế, chế tác nguyên vật liệu làm nòng cốt để nâng cao vai trò doanh nghiệp trong nước trong chuỗi cung ứng.

*Thứ tư*, ngành công nghiệp TPHCM cần mở rộng, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu cho các mặt hàng công nghiệp. Trong đó, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp thành lập văn phòng, chi nhánh đại diện ở nước ngoài để tìm hiểu nhu cầu thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Thành lập các trung tâm tìm kiếm thị trường tiêu thụ và nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ để mở rộng hoạt động sản xuất.

*Thứ năm*, ngành công nghiệp TPHCM cần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm phát triển công nghệ, chất lượng sản phẩm. Trong đó, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp vi mạch, công nghiệp kỹ thuật số nhằm bắt kịp sự phát triển của thế giới, từ đó từng bước giảm dần sự phụ thuộc và sẵn sàng thay thế các sản phẩm điện tử của nước ngoài và vươn ra thị trường quốc tế. □

**TÀI LIỆU TRÍCH DẪN**

1. Công viên Phần mềm Quang Trung (QTSC). 2020. “Chim đầu đàn bay xa”. <https://www.qtsc.com.vn/tin-tuc/chim-dau-dan-bay-xa>, truy cập ngày 15/5/2020.
2. Cục Thống kê TPHCM. 2019. *Niên giám thống kê TPHCM 2018*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
3. Cục Thống kê TPHCM. 2020a. “Kinh tế TPHCM và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam”. <http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/ketquadietra>, truy cập ngày 23/9/2020.
4. Cục Thống kê TPHCM. 2020b. *Niên giám thống kê TPHCM 2019*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
5. Hồ Thiện Thông Minh, Nguyễn Hoàng Tiến. 2019. “Phát triển nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam”. Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia *Vai trò của TPHCM trong sự phát triển bền vững của Vùng kinh tế miền Nam trọng điểm*. [https://www.researchgate.net/profile/Nguyen\\_Tien33/publication/338966165\\_Human\\_Resource\\_Development\\_for\\_the\\_Key\\_Southern\\_Economic\\_Region\\_of\\_Vietnam/links/5e352b1a458515072d740c12/Human-Resource-Development-for-the-Key-Southern-Economic-Region-of-Vietnam](https://www.researchgate.net/profile/Nguyen_Tien33/publication/338966165_Human_Resource_Development_for_the_Key_Southern_Economic_Region_of_Vietnam/links/5e352b1a458515072d740c12/Human-Resource-Development-for-the-Key-Southern-Economic-Region-of-Vietnam), truy cập ngày 23/9/2020.
6. Kiều Anh. 2019. “Phát triển công nghiệp TPHCM trên nền tảng công nghệ cao”. <https://khoaocphattrien.vn/thoi-su-trong-nuoc/>, truy cập ngày 23/9/2020
7. Mạnh Tùng. 2020. “Dấu ấn 17 năm khu công nghệ cao tại TPHCM”. <https://vnexpress.net/dau-an-17-nam-khu-cong-nghe-cao-tp-hcm-4003529.html>, truy cập ngày 15/5/2020.
8. Mỹ Dung. 2018. “Nhiều bất cập trong sự gắn kết doanh nghiệp với trường nghề”. <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/nhieu-bat-cap-trong-su-gan-ket-doanh-nghiep-voi-truong-nghe-20181025113937903.htm>, truy cập ngày 17/10/2020.
9. Nguyễn Ngọc Sơn. 2015. “Phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011-2015 và định hướng giai đoạn 2016-2020”. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 213(3/2015), tr. 51-61.
10. Nguyễn Văn Sáng. 2015. “Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn TPHCM”. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 221(11/2015), tr. 44-52.
11. Quang Huy, Kim Huyền. 2020. “Đào tạo nghề mới - cần phù hợp nhu cầu xã hội”. <https://www.sggp.org.vn/dao-tao-nghe-moi-can-phu-hop-nhu-cau-xa-hoi-691700.html>, truy cập ngày 18/10/2020.
12. Tổng cục Thống kê. 2017. “Đóng góp của 4 ngành công nghiệp và 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong phát triển kinh tế TPHCM”. trong *Tổng điều tra kinh tế 2017 thực trạng của 4 ngành công nghiệp và 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong phát triển kinh tế TPHCM giai đoạn 2012-2017*. <http://consosukien.vn/dong-gop-cua-4-nganh-cong-nghiep-va-9-nganh-dich-vu-trong-yeu-trong-phat-trien-kinh-te-thanh-pho-ho-.htm>, truy cập ngày 15/5/2020.
13. Việt Hùng. 2018. “TPHCM: nhân lực chất lượng cao, lành nghề chỉ chiếm 26,7% cơ cấu lao động”. <https://baodansinh.vn/tphcm-nhan-luc-chat-luong-cao-lanh-nghe-chi-chiem-267-co-cau-lao-dong-76242.htm>, truy cập ngày 17/10/2020.